
Quan Niệm Tu Chơn Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

I. Vai Trò Đức Hộ-Pháp Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ về Phương Diện Tu Chơn Luyện Kỷ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài là một tôn giáo phát sinh tại miền Nam nước Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Lịch sử tôn giáo này hãy còn quá ngắn nhưng trải qua nhiều biến đổi thăng trầm. Trung ương là Tòa Thánh Tây Ninh có một hệ thống giáo quyền chặt chẽ trên khắp miền Nam Việt Nam.

Từ nguồn gốc này một số chức sắc tách rời ra lập thành chi phái hoạt động riêng lẻ không tùng luật pháp và sự điều khiển của Tòa Thánh nữa.

Trong bối cảnh lịch sử như thế vai trò của Hộ Pháp phải ra sao trong khi Ngài không còn hình xác để đi đứng nói năng được như những con người bằng xương bằng thịt. Khí phách anh linh, chơn thần của Ngài bất tiêu bất diệt đã đành thiên biến vạn hóa kề cận một bên con cái Đức Chí Tôn nhưng làm sao những đứa con trần tục kia nghe được tiếng nói của Ngài thấy được Thiên thơ mà Ngài đang xây chuyển.

1. Thiên Thơ Tiền Định

Hồi tưởng lại những ngày còn sanh tiền đứng trên giảng đài Tòa Thánh, Ngài đã nói :

Trong thời kỳ ấy Bần Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng: "*Con phục lệnh xuống thế mở Đạo con mở bí pháp trước hay con mở thế pháp trước?*".

Bần Đạo trả lời: "*Xin mở bí pháp trước*".

Chí Tôn nói: "*Nếu con mở bí pháp trước thì phải khổ đa. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở bí pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì một Đạo phải ra thế nào. Vì thế nên mở thế pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cơ thể hữu vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô hại xin miễn mặc bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp Thiên Đài giữ". (TĐ của ĐHP. 30-5 Quý Ty-1953)*

Như vậy Thiên Thơ đã định cho Đức Hộ Pháp giáng trần trong cửa Đạo Cao Đài này có nhiệm vụ tạo dựng hình tướng của tôn giáo trước tức nhiên là thế pháp của Đạo, rồi sau đó mới mở bí pháp tức là quyền năng của điển lực để giải thoát Chơn Thần con người không còn bị ràng buộc bởi lục đục thất tình nữa.

Nhưng **Hộ Pháp là ai?**

Đây là lời dạy của Đức Chí Tôn :

"*Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba.*

· Phần của Hộ Pháp chưởng quản về pháp lo bảo hộ luật Đời và luật Đạo, chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên

Đài chẳng biết.

· Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo lo về phần Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều chăm sóc chứ môn đệ Thầy chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đặng.

· Thượng Sanh thì lo về phần Đồi."

Tóm lại Hộ Pháp là vị chức sắc nắm quyền chương quản Hiệp Thiên Đài.

2. Nghi Lễ Thiên Phong Hộ Pháp ra sao?

Ngày 22-23 04-1926 trong đàn cơ sắp đặt cuộc Thiên phong nghi lễ dành riêng cho Hộ Pháp như vầy:

"- *Cư, nghe dặn:*

Con biểu Tắc tắm rửa cho sạch sẽ (xông hường cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón. Cười.. .

Đáng lẽ nó phải sấm khôi, giáp như hát bội mà mắc nó nghèo Thầy không biểu. Bắt nó lên đứng trên, nó mặt vô ngại Ngôi Giáo Tông, lấy chín tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch con viết một lá phù (Gián ma xử) đưa cho nó cầm".

Cả thầy Môn đệ phân làm ba ban, đều quỳ xuống biểu Tắc leo lên bàn, Con (Cao Quỳnh Cư) chấp bút bằng nhang đến bàn Ngũ lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới đến trước mặt Tắc, đặng Thầy trực Chơn Thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức xông hường tay của chúng nó như em có giạt mình té thì đỡ".

Như vậy nghi lễ Thiên phong dành cho Hộ Pháp không phải là một lời tuyên thệ, lời nguyện, lời cam kết mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác thân để Chơn linh Hộ Pháp giáng ngự nơi hình xác này và Phạm Công Tắc đã trở thành Hộ Pháp, đây là trường hợp giáng linh ngự thể.

Nghi lễ này không thấy dành cho Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân cũng là những đồng tử như Ngài. Bởi cơ nên mới sanh lăm điều trắc trở sau này.

Trên bước đường hành Đạo khi chấp chương quyền hành cơ bút nơi tay vì thể thức hành pháp quyền linh trên Chơn Thần và thể phách, ảnh hưởng trực tiếp vào sự khai mở tâm thức của người thọ nhận. Các vị đồng tử kia không được đặc ân như Ngài và trình độ tâm thức cũng khác xa Đức Hộ Pháp ít nhất trên phương diện biểu hiện bên ngoài mà hơn sanh nhận thấy được.

Qua nghi lễ này chúng ta thấy vị Hộ Pháp trong Đạo Cao Đài không ai khác hơn là Phạm Công Tắc thọ phong từ năm 1926. Người đã được Đức Chí Tôn chỉ định có trách nhiệm làm đầu Hiệp Thiên Đài chịu trách nhiệm về phần Chơn Thần của tất cả tín đồ. Trong khi phẩm Giáo Tông có quyền về phần xác chớ không có quyền về phần hồn.

3. Liên hệ giữa Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Ngài Ngô Văn Chiêu

Từ năm 1919 Ngài Ngô Văn Chiêu đã có tham dự các đàn Cơ cầu thỉnh Tiên về xin thuốc và học Đạo. Ngài gặp được Tiên Ông chỉ giáo và cho hiện huyền diệu Thiên Nhân để mách bảo Ngài về biểu tượng thờ phượng.

Năm 1925 Ngài Phạm Công Tắc cũng tham dự phong trào cầu Cơ và đích thân làm đồng tử sau được Đức Cao Đài dạy phải liên lạc với Ngài Ngô Văn Chiêu để biết cách thờ phượng vì Đức Chí Tôn có chỉ dạy cho Ngài Ngô Văn Chiêu trước rồi.

Như vậy, Phạm Công Tắc và Ngô Văn Chiêu là những vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn học Đạo chung một Thầy bằng phương pháp Cơ bút.

Chứng tích hầy còn trong lịch sử Đạo qua bài thơ sau đây được ghi nhận vào ngày 9-1-Bính Dần (1926.)

*CHIÊU Kỳ Trung độ dẫn Hoài sanh
Bản đạo Khai Sang Quý giảng thành
Hậu Đức TẮC Cư thiên địa cảnh
Hườn Minh Mân đảo thủ đài danh
(TNHT.Q1 trang 3)*

Bài thơ ghi lại tên của các vị môn đồ có mặt trong đàn cơ để kỷ niệm.

Xin lưu ý: Hai chữ CHIÊU và TẮC trong câu 1 và 3.

Năm sau Ngài Phạm Công Tắc được phong làm Hộ Pháp và Ngô Văn Chiêu được chuẩn bị phong Giáo Tông Đạo Cao Đài.

Ngài Phạm Công Tắc vâng lời dẫn thân vào Đạo, lo phổ độ nhơn sanh lập thành Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh đặt tại Tây Ninh.

Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối không chịu nhận làm Giáo Tông chuyên chú vào việc tịnh luyện, thiên định hầu tìm phương giải thoát cho mình trước đã với chủ trương "*Ngô thân bất độ hà thân độ*".

Một số người quy tụ xung quanh Ngài theo phương pháp tu luyện này theo thời gian mở rộng dần phát triển thành phái "*Chiếu Minh*" thờ Thiên Nhân, trung tâm đặt tại Cần Thơ.

Con đường đã rẽ lối từ đây để lại muôn vàn khó khăn cho hậu thế.

Chứng tích lịch sử như sau:

Sau khi chứng kiến được nhiều lần sự linh hiển, huyền diệu của cơ bút, Ngài Ngô Văn Chiêu quyết chí tu hành và có lời nguyện rằng:

"- Nếu Đức Cao Đài độ cho tôi thành Đạo tôi sẽ độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người."
(Trích Lược Sử Đạo Cao Đài - Phần vô vi của Đồng Tân)

Và Đức Chí Tôn đã bố hóa cho Ngài một hồng ân đặc biệt để Ngài tịnh luyện, thiền định có đủ ấn chứng hầu tạo cho Ngài một đức tin mãnh liệt, một sự sáng suốt thánh thiện để Ngài đảm nhận một trách nhiệm lớn lao hơn lời khẩn nguyện ban đầu của Ngài.

Trách nhiệm ấy là thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế giới, Thất Thập Nhị Địa giới mà cầu rỗi cho nhân loại và thay mặt Thầy mà đui dắt cả chư môn đệ trên con đường đạo đức do chính mình Thầy khai tạo và trên con đường đời do cơ Đạo gây nên.

Ấy là một nhiệm vụ thiêng liêng mà Thánh ý Đức Chí Tôn muốn trao cho Ngài đảm nhiệm qua sự thông công của Chơn Thần các đồng tử ở Tòa Thánh Tây Ninh, thế nhưng đối với Ngài Ngô Văn Chiêu Ngài cho là ý phàm.

Ngày 13-2-1926 giờ Tý nhằm mừng một Tết B.D. Đức Thượng Đế giảng cơ dạy rằng :

"- Chiêu bữa trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời làm chủ mối Đạo đui dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công chẳng nên tháo rút phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó". (Trích: LS Quan Phủ N.V.C.)

Thế nhưng lòng Trời bao la lòng người có giới hạn như chúng ta sẽ thấy những sự kiện lịch sử diễn ra liên tục sau đó.

Ngày 14-4-1926 Đức Chí Tôn dạy phải chuẩn bị một bộ Thiên phục Giáo Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu. Bà Hương Hiếu lãnh may theo kiểu mẫu do Đức Chí Tôn giảng cơ chỉ dạy. Xong, Tòa Thánh cử người mang đến cho Ngài. Tất cả đều do lệnh cơ bút.

Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối trả bộ áo mảo lại cho Tòa Thánh kèm theo một số tiền chi phí may bộ Thiên phục ấy. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng một thái độ dứt khoát rõ ràng trên con đường tu của Ngài là không chấp nhận, không tin Thánh giáo do nhóm đồng tử Tòa Thánh thông công. Ngài chỉ tin đồng tử riêng của Ngài đã sử dụng từ trước.

Tưởng cũng nên ghi nhận thêm trong đàn cơ ngày 14-4-1926 này. Ngài Ngô Văn Chiêu có đến dự, Ngài đến sau chót thấy số người tham dự đông đảo đã đến trước Ngài nói:

"- Cầu cơ chớ lập Thiên Địa hội sao mà đến đông vậy". Nói xong Ngài bỏ ra về.

(Theo lời thuật của Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức - người có tham dự đàn cơ này)

Vì vậy khi Đức Chí Tôn giảng dạy về Ngài thì Ngài đã vắng mặt vì đã bỏ về mấy phút trước đó.

Trong đàn cơ ngày 24-4-1926 sau khi giảng dạy Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm Đức Chí Tôn có dạy :

"- Thầy nhứt định đến chính mình Thầy mà đui dắt các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn nhỏ đặng để thế cho các con đui dắt lẫn nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. Vì vậy Thầy mới lập ra phẩm Giáo Tông nghĩa là Anh Cả".

Đức Chí Tôn cũng xác định luôn về trường hợp của Ngài Ngô Văn Chiêu như sau:

"- Chiêu đã có công tu lại là môn đệ yêu dấu của Thầy nên Thầy muốn ban chức Giáo Tông cho nó, song vì lòng ám muội phạm đến oai linh Thầy mà ra lòng bất đức chẳng còn xứng đáng mà diu dắt các con nên Thầy cất phần thưởng nó. Thầy nhứt định để chức ấy lại đợi người xứng đáng hay là Thầy đến chính mình Thầy dạy dỗ các con.

"Chiêu đã hữu căn hữu kiếp Thầy lại dùng huyền diệu mà thâm phục dựng rồi nó trước các con. Biết bao phen Thầy gom các môn đệ yêu dấu của Thầy lại sở cậy nó áp yêu dìm cho Thầy dường như gà mẹ ấp con song nó chẳng vâng mạng lệnh Thầy lại đành cắn mổ, xua đuổi dường ấy thì làm sao cho xứng đáng cái trách nhiệm rất lớn của Thầy toan phú thác cho nó!" (Trích : Đạo Sử Hương Hiếu).

Tóm lại trong buổi đầu lập giáo Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút thâm nhận môn đệ rải rác nhiều nơi sau đó Ngài dạy lập thành chánh thể Đại Đạo có luật pháp, phẩm tước, quyền hạn, trách nhiệm, qui tụ tất cả môn đệ đã độ rồi từ trước gom về một mối ban quyền cho Hội thánh xưng danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gồm hai đài hữu hình là Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài giao cho hai vị Giáo Tông và Hộ Pháp làm đầu.

Ngài Phạm Công Tắc vâng lời làm Hộ Pháp, Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối không chịu đứng chung trong tổ chức tôn giáo này.

Vì vậy Ngài Ngô Văn Chiêu không hề làm Giáo Tông Đạo Cao Đài một ngày nào. Và cho đến bây giờ chưa có người nào xứng đáng ngồi ở địa vị Giáo Tông chính thức của Đạo Cao Đài.

Chơn linh Đức Lý Thái Bạch trong hàng Tam Trấn phải kiêm trách nhiệm Giáo Tông về phần Thiên Lương, còn Ngài Thượng Trung Nhựt chỉ là quyền Giáo Tông chưa được chánh vị.

Riêng phần chi phái Giáo Tông có nhiều nhưng ngoài chơn pháp. **Pháp Chánh Truyền qui định Đạo Cao Đài có một Giáo Tông mà thôi.**

4. Tòa Thánh chủ trương thế nào về Khoa Tịnh Luyện

Ngay từ những ngày đầu thành lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khi ban hành bộ Tân Luật vào năm 1927, Tòa Thánh Tây Ninh đã dành một chương trong bộ luật Đạo để nói về những sinh hoạt tịnh luyện trong chương trình phổ độ của Hội Thánh.

Chương này gồm 8 điều khoản qui định một cách tổng quát nhà Tịnh phải có một Tịnh chủ điều khiển giờ giấc công phu, chế độ ăn uống của người tu tập, điều kiện nhập tịnh và sự quan hệ với người ngoài.v.v...

Pháp Chánh Truyền qui định các Tịnh Thất đặt dưới sự trông coi của vị Thượng Phẩm Hiệp Thiên Đài.

Như vậy trong chánh thể của Đại Đạo Tam Kỳ Độ các sinh hoạt về khoa tịnh luyện, thiên định nằm ở Hiệp Thiên Đài nghĩa là vị chưởng quản Hiệp Thiên Đài. Hộ Pháp chịu trách nhiệm tối cao về việc truyền bí pháp hướng dẫn những sinh hoạt công phu, tịnh luyện, thiên định của người tu tập. Vị chức sắc phải chịu trách nhiệm trực tiếp là Thượng Phẩm.

Ngài Thái Thơ Thanh vị chức sắc Cửu Trùng Đài người đã có công đầu tiên đi tìm mua miếng đất xây cất

Tòa Thánh và Khuôn viên Nội Ô Tòa Thánh hiện nay cũng đã theo đuổi công phu tu tập tinh luyện và đã được Đức Hộ Pháp trợ thần, điều chỉnh kịp thời một bước sai lầm trong một chuyến xuất thần của Ngài.

Nhờ sự can thiệp giúp đỡ đúng lúc của Đức Hộ Pháp ở cấp độ chơn thần đầy linh hiển, Ngài Thái Thơ Thanh trở thành một người bạn Đạo trọn lòng tín nhiệm nơi Đức Hộ Pháp và Ngài đã hủy bỏ sơ đồ Nội Ô Tòa Thánh mà Ngài đã phác họa và chấp nhận tuân theo sự sắp đặt của Đức Hộ Pháp mà thôi.

Năm 1928 Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn, một đường lối tu hành vượt qua hình tướng áo mào, quyền hành chuyên chú nhiều về phương diện Tam Lập (lập Đức, lập Công, lập Ngôn) và Phương-luyện-Kỷ để đạt tới tình trạng Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư mà đoạt cơ giải thoát.

Ngài đã tuyển lựa một số người ở Phạm Môn có đủ điều kiện để nhập tịnh và Ngài đã truyền bí pháp công phu tinh luyện, thiên định cho từng người. Các sinh hoạt loại này không được phổ biến rộng rãi vì rất khó thành công và rất ít người có điều kiện theo đuổi.

Trong suốt thời gian còn sanh tiền Đức Hộ Pháp cũng đã thường xuyên theo dõi tình trạng Chơn Thần của một số chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện có điều kiện phát triển về khoa luyện kỹ này để kịp thời điều chỉnh những sai lệch và nâng đỡ bước đường công phu cho được tinh tấn.

Ấy là phận sự đặt biệt của Đức Hộ Pháp y như lời dạy của Đức Chí Tôn nhân khi đề cập tới cái hại của rượu về phần hồn con người như sau :

"- Thầy dạy về hại của phần hồn các con Thầy nói cái Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy nơi trung tâm của nó là óc nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác gọi tiếng chữ là Vi Hộ nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với Khí rồi Khí mới thấu đến Chơn Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh".

Ngày 14-4- Tân Mão (1956) Đức Hộ Pháp còn tuyên bố rõ ràng công việc trợ lực của một vị Hộ Pháp còn mang xác phàm đối với người xin nhập Tịnh vào Trí Huệ Cung một cách cụ thể như sau :

"- Ấy vậy khi muốn bước vô Trí Huệ Cung phải có đủ Tam lập là tu thân, nhưng làm sao biết họ đã lập công, lập ngôn, lập đức của họ rồi, đầu giao cho Bộ Pháp Chánh cũng chưa chắc điều tra được bởi nó thuộc về nửa bí pháp nửa thể pháp.

Bây giờ bản Đạo có một điều. Những người nào xin đến Trí Huệ Cung Bản Đạo coi màng màng được thì Bản Đạo trực Chơn Thần của họ cho hội diện cùng quyền năng Thiêng Liêng nếu có đủ Tam lập thì vô không đủ thì ra".

Về phương diện hình tướng Đức Hộ Pháp đã hoàn tất được hai trung tâm Tịnh Luyện là Trí Huệ Cung và Trí Giác Cung còn lại trung tâm thứ ba là Vạn Pháp Cung chỉ mới phác họa, kể đến Ngài qui Thiên nên chưa hoàn thành được.

Điều quan trọng hơn hết mà người nghiên cứu về Đạo Cao Đài không thể quên được là chương trình phổ độ của Tòa Thánh Tây Ninh gồm hai phần tương liên mật thiết với nhau là thể pháp và bí pháp.

Thể pháp là hình tướng của Đạo tức nhiên là hình trạng của Hội Thánh. Bí pháp là quyền năng của điển lực

để giải thoát. Phận sự đặc biệt của Hộ Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cầm bí pháp để giúp đỡ chúng sanh tự giải thoát lấy mình.

Việc phổ độ bắt đầu bằng hình tượng đưa người vào cửa Đạo để nương theo các tổ chức, sinh hoạt Đạo giáo mà lập công, lập đức, lập ngôn tiêu trừ nghiệp chướng tiền khiên tân tạo của mỗi người và kết thúc bằng pháp giới độ tận chúng sanh.

Hai phần này nằm trong chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Hội Thánh có nhiệm vụ thực hành trọn vẹn cả hai.

Tuyệt nhiên trong chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia làm hai, phần phổ độ gọi là Ngoại Giáo Công Truyền do Tòa Thánh Tây Ninh đảm trách, còn phần công phu tịnh luyện, thiền định gọi là Nội Giáo Bí Truyền do một chi phái đảm trách.

Cơ siêu phàm nhập Thánh là quyền năng của điển lực Chơn Thần con người, nó không chịu thúc phược bởi bất cứ thế lực chính trị hữu hình của tổ chức Đạo giáo nào.

Hễ tinh thần cá nhân của mỗi người tu có đủ tính thánh thiện thì đương nhiên siêu phàm nhập Thánh hiển linh tại thế, thoát xác rời Chơn Thần bất tiêu, bất diệt và ngược lại, tinh thần còn vương vấn những nét phàm tục thì cửa luân hồi vay vay, trả trả chưa hề qua khỏi.

Quyền pháp này không phải riêng có trong Cao Đài Giáo mà nó vẫn có từ ngàn xưa trong tất cả các Đạo giáo bất di bất dịch với thời gian. Hình tượng Đạo giáo chỉ là cái vỏ bề ngoài còn sự giải thoát là nội dung chứa đựng bên trong không thể có tình trạng vỏ một nơi ruột một nẻo.

Thể pháp và bí pháp tương liên cùng nhau như bóng với hình, hễ có hình thì có bóng, có bóng thì có hình. Tỉ như lời kinh tiếng kệ tụng niệm hằng bữa là cái hình thể mà người tu đang cố gắng gom Thần định Trí vào một tư tưởng thanh cao là Trời Phật.

Còn cái bóng của kệ kinh tức nhiên là kết quả của sự tụng niệm, là trạng thái sống của tinh thần người ấy đạt được, hoặc là tình trạng vắng bật tà tâm, tư ý, vọng niệm, hoặc chú định được vào cái âm ba trầm bổng hoặc dường như quên hẳn âm ba hòa nhập được vào dòng Thần lực của Trời Phật tuôn chảy qua hồn phách mình tỏa ra một vùng không gian lân cận, một sức sống tâm linh mãnh liệt bằng bạc nhiệm màu làm thức tỉnh Chơn Thần sanh chúng.

Âm ba kinh kệ là hình sức sống; tâm linh là bóng; hình với bóng không thể xa nhau.

Ấy là luận một việc nhỏ, còn việc lớn hơn Thiên Thư của Đức Chí Tôn mở cơ tận độ khi Ngài lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ban quyền cho Hội Thánh độ rỗi con cái của Ngài đến chỗ giải thoát, Ngài ban cho Hội Thánh đủ quyền cả về thể pháp lẫn bí pháp.

Đây là lời dạy của Phật Mẫu đối với Đức Hộ Pháp :

*Hễ làm mẹ quyền hành dạy trẻ
Con đừng lo mạng thế thi phàm
Huyền linh mẹ chịu phần cam*

Ban cho con trẻ vẹn toàn pháp môn.
(Thánh giáo ĐHP cầu tại Trí Huệ Cung)

Vậy thì yếu tố quyết định sự thành bại trên đường tu là công nghiệp phụng sự vạn linh để tiêu trừ nghiệp chướng tiền khiên, trau dồi đức hạnh để nâng cao chất Thánh cho Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư được mà không mang theo một chút ô trược trong Chơn Thần mới nhập vào cõi hằng sống được.

Tiến trình ấy liên tục và từng giai đoạn thăng tiến đều có sự hướng dẫn đúng lúc; chẳng hề có sự phân chia phái phổ độ dạy tu tề trị bình, phái vô vi lo siêu phàm nhập Thánh ; hoặc người muốn được siêu thoát phải rời khỏi phái phổ độ, nhập môn vào phái vô vi nhận khẩu khuyết tâm truyền luyện Tam Bửu Ngũ Hành công phu thiền định mới đắc Đạo.

Ngày nay Đức Hộ Pháp đã về Thiêng Liêng vị. Quyền năng chuyển pháp của Chơn Thần càng dễ dàng ứng biến với những lời cầu nguyện chân thành của người tầm Đạo đầu ở phương trời góc biển nào, khi người tín đồ đủ công đức xứng đáng để được khai mở năng khiếu tâm linh thành tâm cầu nguyện sự trợ lực của Ngài.

Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển lực của Bửu Pháp Kim Quang Tiên và Long Tu Phiến để trợ thần cho người hành công phu tu luyện cho Tinh hoá Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư mà siêu phàm nhập Thánh.

Ấy là công việc của Đức Hộ Pháp nơi cõi Hư linh còn phần pháp giới bán hữu hình tức nhiên là những công việc huyền linh cần có xác phàm mới gần gũi đặng Chơn Thần và thể phách của chúng sanh, luôn luôn trong cửa Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này vẫn có những bậc cao tăng ẩn dạng, đủ quyền năng tinh thần để thi hành trọn vẹn sứ mạng ấy. Họ làm việc theo Thánh ý Đức Chí Tôn thể hiện sự công bình thiêng liêng nơi mặt thể hữu hình này.

Cửa Bát Quái Đài vẫn luôn luôn mở để đón rước chơn thần sanh chúng đủ công đức xứng đáng đối diện cùng quyền năng của Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành.

Cho nên dù Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã về thiêng liêng vị, phần Bí Pháp trong Đạo Cao Đài vẫn thực hiện được.

Do công đức mà đặng đắc Đạo cùng chẳng đặng.

Ấy là lời phán quyết tối cao của Đại Từ Phụ vậy.

Lập Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn mở cơ tận độ, ngay từ buổi sơ khai Đức Chí Tôn đã dạy :

"Chiêu Kỳ Trung độ dẫn Hoài Sanh"

Ngài gọi đích danh Ngài Ngô Văn Chiêu trước nhưt dạy phải **"độ dẫn hoài sanh"** nghĩa là đầu trẻ con trong bụng mẹ cũng phải lo độ rồi cho đến khi cuối cuộc đời chết đi lỡ có thất thế hay bị tội lỗi chi mà sa đọa vào cõi âm quang thì trong cảnh giới này cũng còn có Thất Nương Diêu Trì Cung theo độ hồn ăn năn sám hối hay là chuyển kiếp đầu thai.

Chữ Phổ Độ nghĩa lý bao la như vậy.

Đức Chí Tôn lập một Đạo Cao Đài với tôn chỉ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt và cứu cánh của đời tu là giải thoát. Người hành Đạo không thực hiện trọn vẹn Thánh ý của Đức Chí Tôn mới nảy sinh ra bất hòa, chia rẽ thành ra nhiều chi, nhiều phái mặc dù họ vẫn nhân danh Thượng Đế mà hành sự.

Hiện tượng chi phái là một biến tướng trên dòng lịch sử của tổ chức Đạo giáo, nó ở ngoài chơn pháp của Đức Chí Tôn, một dấu hiệu qui phạm của tâm thức người hành đạo nói chung.

Quyền tự do tín ngưỡng là quyền của mỗi cá nhân con người nhưng chân lý vẫn có một và sự diễn tả chân lý thì muôn vàn hình thức khác nhau tùy theo tâm thức của mỗi người đạt được đến mức độ nào trên con đường tấn hóa vô tận.

II. Con Đường Thứ Ba Đại Đạo

1. Con Đường Thứ Ba Đại Đạo là gì?

Năm 1947 Đức Hộ Pháp cho phổ biến những chỉ dẫn cụ thể về cách sống của người tu luyện với lời giới thiệu: "***Phương luyện kỹ dặng vào con đường thứ ba Đại Đạo***".

Đã gọi là con đường thứ ba tất nhiên phải có con đường thứ nhứt và thứ hai. *Vậy con đường thứ nhứt và thứ hai là con đường nào?*

Đạo Cao Đài được chính thức khai mở vào năm Bính Dần (1926) với những thủ tục thông thường của một đoàn thể xã hội như :

- . Tuyên ngôn Khai Đạo (7-10 Bính Dần 1926)
- . Lễ ra mắt gọi là Lễ Khai Đạo (15-10 Bính Dần 1926)
- . Ban hành Bản Hiến Pháp thiêng liêng của Đạo gọi là Pháp Chánh Truyền và bộ luật của tôn giáo mới gọi là Tân Luật.

Đó là những yếu tố cần thiết phải có để thành hình Hội Thánh là cơ quan quyền lực tổ chức và điều hành sinh hoạt tín ngưỡng của khối tín đồ Cao Đài theo triết lý đã chọn.

Tín đồ phải có tín ngưỡng Trời Phật, hiểu biết luật nhân quả luân hồi, ăn ở hiền lành, lập công bồi đức, tu tâm sửa tánh và tùy theo công nghiệp phụng sự vạn linh, đức hạnh, tài năng có được nhiều hay ít sẽ được thăng phẩm từ tín đồ lên đến Giáo Tông.

Đó là con đường lập quyền Đạo để nương nhờ quyền hành ấy mà làm phương tiện phổ độ chúng sanh. Các phẩm tước hữu hình trong Hội Thánh chỉ là những nghi thức đối phẩm với các Đấng thiêng liêng trong thế giới vô hình, nó đòi hỏi người thọ nhận phải làm tròn thiên chức của mình, khi chết linh hồn mới xứng đáng được gọi là Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chẳng hạn phẩm Giáo Sư, Pháp Chánh Truyền buộc phải lo lắng cho tín đồ như anh ruột lo cho em.

Ôi ! Được bao nhiêu người có tâm đức ấy, chẳng trách nào Đức Chí Tôn định chỉ có 72 Giáo Sư hành

quyền trên toàn thế giới.

Hay là phẩm Giám Đạo của Hiệp Thiên Đài đòi hỏi người chức sắc phải có đủ quyền năng tâm linh để tự mình hay biết những vụ vi phạm luật pháp Đạo đã hay đang xảy ra ở một nơi nào đó mà về phương diện hữu hình chưa lộ tông tích, mới đúng nghĩa Giám Đạo, đúng với câu trong Pháp Chánh Truyền: "***chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết***".

Vì vậy phẩm tước hữu hình chỉ là giả tạm và trạng thái sống thực của Chơn Thần có tinh tấn hay không mới là yếu tố quyết định giá trị của hai tiếng đối phẩm.

Con đường đó là Cửu Trùng Đài, con đường thứ nhất của Đại Đạo lấy quyền hành, phẩm tước hữu hình làm phương tiện hành đạo. Phẩm tước ấy phải do công nghiệp hành đạo và đức hạnh mới có được, khi chết chơn thần rời khỏi xác thân trở về cùng Đức Chí Tôn.

Con đường thứ nhất này bao gồm cả những chức sắc cấp dưới của Hiệp Thiên Đài mà sở hành của họ cũng lấy quyền Đạo làm phương tiện lập công.

Con đường thứ hai là Phước Thiện với Thập Nhị đẳng cấp thiêng liêng cũng có phẩm tước hữu hình để đối chiếu với Thiêng Liêng từ Minh Đức đến Phật Tử.

Sở hành của họ chú ý nhiều đến việc lập đức, tạo ra nhiều của cải, vật chất để tế khó trợ nghèo, yểm trợ đời sống hữu hình cho chức sắc hành đạo bất kỳ ở cơ quan nào, nuôi nấng bệnh vực trẻ mồ côi, người già cả, tật nguyền. Cũng phải đợi đến khi chết Chơn Thần mới rời khỏi xác thân trở về cùng Đức Chí Tôn.

Con đường thứ ba Đại Đạo là Tu Chơn tức là con đường tịnh luyện, thiền định chú ý tới sự rèn luyện năng lực sống trong nội thân mình theo tiến trình Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần huân Hư, đến chỗ Chơn Thần có đủ khả năng rời khỏi xác phàm trước khi chết trở về cùng Đức Chí Tôn được. Đây là con đường đi tắt trong kiếp sanh, dĩ nhiên Chơn Thần xuất ngoại xác thân được thì phải trở về được và sống trọn kiếp người của mình theo đúng Thiên ý. Có rất nhiều người lầm lạc vì ảo tưởng, ảo giác trong loại sinh hoạt này.

Nếu như ở con đường thứ nhất và thứ hai, người ta có thể lầm lạc chạy theo danh, lợi, quyền trong tôn giáo, cũng là ảo ảnh của cuộc đời, nhằm lẫn phương tiện với cứu cánh, làm biến tướng nền Chơn Giáo thành Tả Đạo Bàn Môn, thì ở con đường thứ ba này nhằm lẫn chính là ảo tưởng và ảo giác rất tinh vi.

Trong phép thông công của con người với thế giới Thần linh cũng có vô vàn những điều đáng tiếc như vậy đã xảy ra và hậu quả của nó đối với đời sống tín ngưỡng của một số đông người cũng rất đáng thương tâm.

2. Tương Quan Giữa Ba Con Đường

Như vậy có phải con đường thứ ba Đại Đạo là phần tiếp nối của con đường thứ nhất hoặc thứ hai trong tiến trình tu tập của người tín đồ hay không ?

Đức Hộ Pháp chủ trương tín đồ phải có đủ Tam Lập mới bước vào sinh hoạt tịnh luyện, không buộc phải qua một thời gian hành đạo có áo mũ, hay quyền hành, chức tước.

Một đàng sống với đức tin vào nguyên tắc đối phẩm, lấy sự thể hữu hình làm chuẩn với lý trí thông thường, đợi đến khi chết chơn thần sẽ xuất ngoại xác thân trở về cùng Thượng Đế, cũng chẳng vội, ung dung lập công bồi đức và thăng tiến theo phẩm trật hữu hình.

Một đàng tìm phương rốt ráo, phải về diện kiến Đức Chí Tôn ít nhất một lần trong khi còn sống thì phương pháp tu hành mới gọi là chứng đắc được.

Yếu lý khác biệt của nó nằm ở chỗ Chơn Thần về được cùng Đức Chí Tôn trước khi chết hay sau khi chết.

Còn điều kiện định quyết cho Chơn Thần về được hay không là ở chỗ công đức, chớ không phải ở phương pháp tu luyện điều khí, dưỡng thần, truyền thần, xuất thần, tham thiền, nhập định.

Phương pháp tu luyện là kiến thức có thể truyền lại cho nhau để dằng giữa người này và người kia nhưng công đức mỗi cá nhân tự tạo mới có. Phải có đủ công đức nghĩa là tròn tam lập, áp dụng phương pháp tu luyện mới có kết quả gọi là ấn chứng chánh truyền, bằng không rất dễ rơi vào ảo tưởng làm cho Thần biến ra đủ thứ khi công phu thiền định.

Một người thiếu công đức là người mà khí thể còn ô trược, lấy trược khí nuôi Thần, thì Thần phải tối, tức nhiên đời sống tâm linh còn trộn lẫn nhiều hình ảnh tư duy ảo vọng. Thần phóng ra ảo rồi nhắm lấy ảo ấy mà đeo đuổi thì quả thật là "*đổi chơn thay giả tô Thiên vị*".

Chỗ nhầm lẫn này hết sức tế vi, khó thấy và chẳng dễ gì xua đuổi nó ra khỏi tâm tư của con người khi mà các trung khu não bộ hãy còn phủ trùm bằng một vùng trược khí.

Nói vắn tắt cho dễ hiểu, nếu như kiến thức về phương pháp công phu làm cho người ta đắc đạo được thì những kẻ gian hùng như ở thế gian sẽ ngự trị ở cõi Thiên Đàng.

Vì sao ?

Vì những kẻ gian hùng ở thế gian này, thứ gì họ cũng ăn cướp được, nói chi đến bí quyết luyện đạo của thầy tu là điều mà kẻ có lòng từ tâm luôn luôn muốn có nhiều người hưởng ứng.

Kinh điển hay là phương pháp tu luyện cũng như dưa với chén để ăn cơm, phải có cơm vào dạ dày mới no được, công đức của mình mới là thứ cơm tinh thần vậy, phải có cơm thì chén dưa mới hữu dụng.

Đức Chí Tôn dạy :

- "*Người ở thế này muốn giàu phải kiếm phương thế làm ra của cải. Ấy là phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả*". (TNHT. 5-7-1926)

- "*Đạo vẫn như nhiên do công đức mà đặng đắc Đạo cùng chẳng đặng*". (TNHT. 21-8-1926)

- "*Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều là phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất thì cái công phu tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể*

đạt địa vị tối cao". (TNHT. 5-3-1927)

Dầu đi con đường nào cũng vậy, thứ nhất, thứ hai, thứ ba cũng phải có công đức mới đăng đắc Đạo. Con đường thứ ba Đại Đạo nếu thành công về với Đức Chí Tôn sớm hơn một chút chẳng phải đợi đến khi chết như con đường thứ nhất và con đường thứ hai.

Mối tương quan giữa ba con đường là như thế *chẳng nên hiểu lầm rằng nếu không tịnh luyện thì không đắc Đạo.*

3. Vài Kinh Nghiệm Tâm Linh

A. Thiếu tình mẫu tử

Xin đơn cử sau đây vài trường hợp điển hình về kinh nghiệm trong đời sống tâm linh của một tín đồ tu chơn ở Tòa Thánh Tây Ninh. Là một thanh niên còn trẻ tuổi y đã sớm bước chân vào sinh hoạt Thượng Thừa Đại Đạo, trong quãng đầu đời theo tiếng gọi sâu thẳm của tâm linh mình thúc giục và may duyên được Chân Sư dìu dẫn trực tiếp.

Sau khi tu tập khổ hạnh một thời gian, một ngày kia trong buổi công phu giờ Tý, Chơn Thần y được đối diện trước quyền năng Thiêng Liêng của Chân Sư và như thường lệ Chân Sư dạy y:

"- Con hãy dùng phép hồi quang phản chiếu, xem xét lại những gì con đã nghĩ và làm trong ngày hôm nay, có gì lầm lỗi chẳng ?"

Y ngồi yên một lúc và hồi tưởng; trong thời kỳ tu học này Chân Sư không dạy y điều gì khác hơn là phép xét mình.

"- Bạch Thầy con đã làm tròn bốn phận con trong những công việc thường lệ ngày hôm nay, không có điều gì làm mất lòng ai cả."

Chân Sư hỏi tiếp: "- Còn bữa cơm trưa nay ?"

"- Bạch Thầy mọi người đều vui vẻ."

"- Con đã ăn món gì ?"

Y đáp một cách thản nhiên vì cũng chẳng nhớ mình đã ăn món gì.

"- Bạch Thầy thì món gì vừa miệng con thì con ăn, có ai phiền hà gì đâu, con thấy mọi người đều vui vẻ."

Chân Sư ôn tồn giảng dạy bằng một giọng trầm trầm đầy quyền lực làm thức tỉnh chơn thần y.

"- Trong bữa ăn bà mẹ nếu thấy món nào bà cho là ngon miệng đối với bà, bà ăn ít hay là nhường lại cho con bà ăn. Tình thương của một bà mẹ phạm tục đối với con là như thế. Con chưa sống với tình mẫu tử ấy

thì làm sao có được tình thương yêu đại đồng đối với chúng sanh. Con phải thương yêu chúng sanh như thương chính thân mình vậy".

Chân Sư dừng lại không nói thêm một lời nào nữa, có một sức mạnh vô hình truyền qua từng lời nói của Chân Sư làm cho tâm thức y bừng tỉnh dậy. Bao nhiêu ý nghĩ trước đây tự thấy mình cũng thuộc loại khá về đạo đức ở thế gian đều tan biến hết.

Y nhận thức được tính chất tầm thường trong tinh thần mình cũng như của bao nhiêu người trần tục khác dù y đang được Chân Sư dạy Đạo bằng huyền linh mặc khải.

B. Cứu đói trẻ mồ côi

Và một lần khác vào khoảng nửa đời tu học y cũng gặp một trường hợp tương tự. Có một số trẻ mồ côi sống gần nơi y cư ngụ đang gặp cơn đói, không phải vì xã hội bạc đãi chúng nó, mà vì lòng tham lợi của người chăm sóc khiến xảy ra vụ đói mà bên ngoài ít người biết được.

Y biết rõ tình trạng thiếu thốn của chúng, nhưng y vẫn lờ đi không giúp đỡ gì, y an tâm để việc đói khát ấy lại cho người khác lo liệu, tự nhủ rằng mình làm quá nhiều công việc tinh thần rồi.

Trong một lần diện kiến Chân Sư bằng Chơn Thần sau phần dạy bảo xong, Ngài liền quay sang hỏi thăm chuyện trần tục.

"- *Mấy đứa trẻ mồ côi ở gần con đó hiện giờ sống ra sao ?*"

"- *Bạch Thầy chúng nó đang đói phải ăn cháo qua ngày.*"

Ngài dạy tiếp : "- *Trong túi con đang có tiền, con có quyền chi dụng số ấy. mấy đứa trẻ mồ côi đang đói trước mắt con, mà con vẫn làm ngơ, hạnh của một người tu không phải như thế. Con hãy trở về cõi đời trần tục của con mà lập hạnh lại*".

Chơn Thần y đã bị Chân Sư đuổi về cõi đời trần tục vì thiếu hạnh thương yêu đối với chúng sanh...

Thế là sau đó một chương trình cứu đói cho trẻ mồ côi được thực hiện một cách âm thầm, khéo léo, khoảng vài ba tháng thì hết nạn. Có ai biết rằng những bát cơm cứu trợ vào những ngày giờ ấy là kết quả của một hình phạt mà vị môn đồ tu chơn đã nhận từ vị Thầy của mình nơi cõi Thiêng Liêng để cảnh cáo. Y nhớ mãi bài học này trong đời.

C. Tâm ô uế

Một câu chuyện khó quên nữa là chuyện hai con kiến vàng cắn lộn.

Hôm ấy khoảng 11 giờ trưa, vị môn đồ tu chơn đang ngồi đi tiêu dưới gốc một bụi tre. Cầu tiêu nơi miền quê chỉ là một cái hố sâu có hai miếng ván bắt ngang, bao chung quanh vài thanh gỗ và mấy miếng lá dừa sơ sài.

Gió hiu hiu thổi, vài áng mây bay lãng đãng trên bầu trời xanh thẳm. Y đang ngồi ngó mông lung bất giác nhìn xuống thanh gổ thấy một hàng kiến vàng bò lưà thưa.

Có hai con chẳng biết giận nhau chuyện gì, đang cắn nhau dữ dội, bốn cái nanh bầu chặt không rời, chân chỏi vào nhau dựng đứng cả người, con này đẩy qua con kia đẩy lại, khi thắng khi bại, có lúc lẫn nhào trông giống một màn đô vật trên võ đài. Lấy làm vui mắt, y mãi mê xem trận kiến vàng đấu võ.

Bỗng một luồng thần lực tuôn tràn xuống mạnh mẽ khắp cả người y. Y đã quen với cảm giác này mỗi khi Chân Sư sắp xuất hiện, nên định thần lại để tâm thật yên xem có chuyện gì xảy ra. Y nghe rõ tiếng nói Chân Sư lồng lộng trong chơn thần với giọng nghiêm khắc.

"- Hai con kiến đang cắn nhau sắp chết mà con nỡ ngồi nhìn như thế à ! Sao con không can nó ra ?"

Y có cảm giác sợ hãi vì thất lễ, cầu tiêu ô uest quá sao Thầy lại đến nơi này.

Tiếng nói lại tiếp : "- Con nhìn xuống hầm cầu kia xem".

Y ngó xuống hố tiêu thấy một đám dòi lúc nhúc.

"- Nơi đó đang có sự sống. Có sống là có Thầy trong đó, không có gì là ô uest cả. Chính tâm con đang dơ đó".

Tiếng nói im bặt...

Y lấy ngón tay định kéo mỗi con ra một bên ...

Tiếng nói lại vang lên: "- Nhẹ nhẹ tay không khéo con làm chết nó bây giờ".

Y xé một miếng giấy nhỏ xen vào giữa bốn cái càng của chúng, rồi dùng miếng giấy khác ép nhẹ vào thân nó đẩy ra xa, chúng vẫn còn giận dữ, phải một hồi lâu mới chịu buông ra mà bò đi chỗ khác.

Y bàng hoàng như vừa qua một cơn mộng giữa ban ngày.

Bên ngoài đàn kiến vẫn bò lưà thưa, cơn gió nhẹ thoảng qua và những đám mây trôi lững thững trên nền trời xanh biếc, khung cảnh vẫn y như lúc nãy nhưng tâm hồn người tu sĩ đã đổi thay rất nhiều.

Những dòng tư tưởng của trí não lại hiện ra ; thì ra bấy lâu nay Thầy bắt mình học thuộc lòng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền mình đọc thuộc như con kít mà không nhập tâm chút nào.

"Đừng thấy đồng Đạo tranh đua ngồi mà xem không để lời hòa giải".

Thầy muốn dạy mình một bài học về hai chữ "**Đạo Tâm**" thật mắc mỏ và quý giá vô cùng.

Sau này khi tuổi đời đã về chiều, vị môn đồ tu chơn trẻ tuổi của mấy mươi năm trước mỗi khi nhắc lại kinh nghiệm tu học của mình để hướng dẫn đàn em, vẫn khẳng định rằng :

"- Cả cuộc đời của Qua, Qua đã sống tràn ngập trong ân huệ thiêng liêng của Đại Từ Phụ và các Đấng trợn

lành do duyên may từ tiền kiếp mà được vậy ngay từ buổi đầu tu học.

Qua có thể làm chứng chắc với mấy em rằng, phải có công nghiệp phụng sự vạn linh, phải tu sửa đức hạnh của mình từ trong tâm ý sâu kín cho đến những biểu lộ bên ngoài trong cử chỉ, lời nói, hành động cho đến chỗ chí Thánh mới đoạt Đạo đặng.

Kiến thức về đạo lý không thôi chưa đủ mà phải thực hành đạo lý ấy mới trọn vẹn tri hành hợp nhất tạo nên thiện duyên, thiện nghiệp đọng lại trong Chơn Thần một sức sông tâm linh cảm hóa được lòng người gọi là cái đức của kẻ tu hành.

Cái phép tu luyện chỉ giúp mình gần đặng Chân Sư để nghe lời chỉ giáo, còn Thánh chất trong con người mình, mình phải tự tạo cả tâm ý lẫn hành động đều mang tính chất thánh thiện mới được. Chân Sư không bằng ăm đặng, luật Trời không cho phép như thế.

Hay nói một cách khác thì phương pháp tu luyện cũng như áo mào, quyền hành, chức tước của giáo quyền giúp mình đến chỗ tạo được nhiều công nghiệp phụng sự vạn linh và đức hạnh thánh thiện là hai yếu tố quyết định cho người tu sĩ đắc Đạo hay không".

4. Phạm Môn Là Gì?

Phạm Môn là đường lối tu chơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Hộ Pháp lập ra để thực hiện sinh hoạt Tịnh Luyện ghi trong Bộ Tân Luật vâng theo Thánh ý Đức Chí Tôn trong bài thi :

*Tinh ngộ xá thân tại Phạm Môn
Khuyến tu hậu nhưt độ sanh hồn
Vô lao bất phục hồi chơn mạng
Tinh thế kỳ thân đắc chánh tôn*

Đường lối tu hành này chủ trương vượt qua hình thức áo mào, quyền hành của Hội Thánh chuyên chú về phương diện Tam Lập là lập công, lập ngôn, lập đức cho đầy đủ để được thọ truyền bí pháp tịnh luyện tự giải thoát lấy mình.

Về phương diện tổ chức là một nếp sống cộng đồng dưới hình thức những cơ sở kinh tế nhỏ qui tụ một số người đồng chí hướng làm ăn chung với nhau. Trước nhưt để tự nuôi thân mình và sau dùng lợi nhuận hiến công quả cho Hội Thánh hoặc tế khó trợ nghèo bất luận người trong Đạo hay ngoài đời.

Những người tình nguyện vào Phạm Môn phải qua một thủ tục kết nghĩa với nhau gọi là "**Đào viên Pháp**".

Về nội qui họ phải tuân theo Thập điều giới răn kể ra như sau :

1. Phải tuân y luật pháp chơn truyền của Chí Tôn.
2. Phải trọn hiếu với tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa vợ chồng vẹn phận làm cha.
3. Phải trọn giữ trai giới.
4. Phải xa lánh các đảng phái.

-
5. Phải thật hành phước thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
 6. Không đặng thân của chúng sanh.
 7. Coi anh em đồng đạo như ruột thịt.
 8. Không được bội sự phản bạn.
 9. Phải ăn ở như các Thánh hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.
 10. Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh vừa theo tính chất của Chí Tôn là chúa sự sống.

Tại Tây Ninh từ năm 1929 đến năm 1933 đã tổ chức được 9 nhà sở theo kiểu này.

Khởi đầu là cơ sở Phạm Nghiệp nằm bên quốc lộ 22 tại xóm Trường Đua gần ngã ba Mít Một, làm ruộng và đồ mộc. Kế đến là các nhà sở :

- Khách Đình (nội ô Tòa Thánh)
- Sở Tâm Lạch xã Trường Hòa.
- Sở Giang Tân xã Trường Hòa.
- Sở Nam Công Nghệ gần ngã ba Suối Đá.
- Sở Nữ Công Nghệ gần ngã tư Ao Hồ.
- Sở Dưỡng Lão Đường.
- Sở làm ruộng ở Núi Sập.
- Trạm Y Tế Phạm Môn phía sau Hộ Pháp Đường (nội ô Tòa Thánh).

5. Biến Tướng Của Phạm Môn

Nguyên từ buổi ban sơ, các nhóm phò loan học Đạo bằng cơ bút, giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ truyền dạy qua cơ bút cũng có đôi phần khác hơn với cựu luật của Tam Giáo đang lưu truyền buổi ấy.

Đặc biệt vấn đề tịnh luyện, thiền định, Đức Chí Tôn giảng cơ xác định những điều căn bản sau đây đối với các tín đồ gốc ở Đạo Phật và Đạo Lão chuyển sang. Tóm tắt như sau :

"- Luật lệ tuy cũ nhưng Đạo vẫn như nhiên, do công đức mà đặng đắc Đạo cùng chẳng đặng".

"- Tu thành công hay không là do người hành Đạo".

"- Phép luyện Đạo không đời".

"- Tam Kỳ Phổ Độ là một trường thi công quả".

"- Duy Thầy cho Thần hiệp cùng Tinh Khí đặng hiệp Tam Bửu là cơ siêu phàm nhập Thánh".

"- Thầy đến đặng huần nguyên cho Chơn Thần các con đắc Đạo".

Yếu tố **công đức** được quan tâm trước tiên thay vì phương pháp công phu, tịnh luyện, thiền định.

Do đó, khi tổ chức đời sống tu hành của tín đồ nhằm mục đích giải thoát sau cùng, đường lối Phạm Môn chủ trương phải dẫn thân nhiệt thành làm công quả một thời gian song song với việc học hỏi để mở mang trí tuệ, tu chỉnh đức hạnh của mình cùng với cúng kiến, công phu để rèn luyện Tinh Khí Thần theo chiều hướng hiệp nhất Tam Bửu.

Nếp sống này hiện ra thành những sinh hoạt cộng đồng của nhà sở có tính chất giống như phước thiện, thu hút được một số đồng đạo ngày càng đông dần theo thời gian và có một sắc thái đặc biệt hiện rõ lên giữa một khối tín đồ Cao Đài buổi đầu còn đa dạng.

Từ đó dấy sinh lên trong lòng người cái nhìn và phê phán có tính cách trường phái là nguyên nhân đưa đến những khảo duyệt làm biến tướng Phạm Môn.

Trước tiên là danh xưng Phạm Môn nguyên văn lấy từ bài thi của Đức Chí Tôn giảng cơ cho:

"Tinh ngộ xá thân tại Phạm Môn .."

Phạm Môn có nghĩa là cửa Phật, chữ Phạm còn đọc là Phạn có nghĩa là Phật [*Hán Việt Tự Điển của Nguyễn Văn Khôn. Khai Trí. Xuất bản năm 1969, nơi trang 692 ghi rõ như sau: Phạm (Phật) thanh tịnh, trong sạch, một âm nữa là Phạn*].

Vì Đức Hộ Pháp mang họ Phạm nên Phạm Môn bị hiểu lầm xuyên tạc là của dòng họ Phạm. Phạm Nghiệp là tên của cơ sở kinh tế đầu tiên của đường lối tu chơn tại Tây Ninh.

Nguồn vốn đầu tiên của cá nhân và gia đình Ngài, có sự hùn công của một số đồng đạo cùng chung sống với nhau, tổ chức như một đơn vị kinh tế tự lập, không phải là tài sản của Hội Thánh.

Lời giải thích xác định ấy được diễn dịch ra dưới cái nhìn phe phái cho rằng Đức Hộ Pháp lập riêng sự nghiệp của những người họ Phạm.

Xin trích nguyên một đoạn trong tờ lời giảng ngày 15-10 Nhâm Thân do Ngài Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh viết :

"- Đức Hộ Pháp ban đầu có lập một cảnh nhà bên đường lộ Tây Ninh Sài Gòn, gần ngã ba Mít Một, đặt tên là Phạm Môn để cho gia quyến của Ngài ở và thờ ông bà kiến họ Phạm là họ của Ngài.

Ngài khai rằng : là của riêng của Ngài sắm không ăn nhập với Hội Thánh. Hai năm nay Ngài có lập riêng ra nhiều chỗ nữa, người ta cũng kêu là Phạm Môn, song Ngài nói để chữ Phạm là Phật như:

- 1. Phạm Môn gần Ao Hồ.*
- 2. Khách Đình.*
- 3. Phạm Nghiệp Nam.*
- 4. Nữ Công Nghệ ở gần Tòa Thánh.*
- 5. Phạm Từ ở Cẩm Giang. (Đức Hộ Pháp coi là của riêng của người họ Phạm, hay là người vào Phạm Môn, không ăn nhập với Đạo)*
- 6. Giang Tân ở Bến Kéo.*
- 7. Sở làm ruộng ở Núi Sập (Long Xuyên).*

Ngài nói là sở làm ăn của người kiến họ Phạm của Ngài chứ không phải của Đạo, Ngài nói Ngài dùng tiền bạc riêng của Ngài mà lập ra các sở này nên Ngài không cho Hội Thánh hay trước.

Ngài nói như Hội Thánh muốn lãnh các sở ấy mà làm theo sở hành Phước Thiện của Ngài sắp đặt cho đạo hữu thuở nay thì Ngài giao cho, song cũng phải thối hồi những tiền sở tổn về việc ấy thuở giờ cũng là nhiều..
."

Còn về phía chính quyền tại Tây Ninh, người Pháp luôn luôn tình nghi Đạo Cao Đài là một tổ chức chính trị chống Pháp trá hình, nên những hình thức tập hợp tín đồ thành từng nhà sở kinh tế kiểu này càng làm tăng thêm mối nghi ngờ sẵn có, dĩ nhiên người Pháp phải tìm cách ngăn chặn và dập tắt.

Sau cuộc khám xét, lục soát tại Hộ Pháp Đường vào cuối năm Quý Dậu (1933) chính quyền Pháp ra lệnh đóng cửa các cơ sở Phạm Môn với lý do lập hội không giấy phép.

Nội vụ đưa ra tòa, Hội Thánh chống án, và cuối cùng được tòa tối cao bên Pháp xử trắng án, mặc dầu được trắng án, mối căng thẳng giữa Đạo và chính quyền Pháp vẫn không có gì giảm bớt.

Sau cuộc đại náo Đạo quyền tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 20-1 Giáp Tuất (5-3-1934) về việc chia chi phái, những người tu ở Phạm Môn tỏ ra rất trung thành với lập trường của Hội Thánh, nên Đức Quyền Giáo Tông yêu cầu Đức Hộ Pháp mượn người Phạm Môn bổ đi các địa phương để giữ vững tinh thần của các tín đồ.

Đứng trước tình thế nan giải ; trong thì nội bộ bất hòa, chia rẽ, chi này, phái nọ nghịch lẫn nhau, ngoài thì Pháp đàn áp, bắt bớ, giam cầm, tra tấn số đông anh em Phạm Môn ở khám đường Tây Ninh cả ba tháng trời, Đức Hộ Pháp đồng ý đưa anh em Phạm Môn ra cầu phong, nhận lãnh áo mào, phẩm tước của Hội Thánh hành Đạo để giải tỏa những sự hiểu lầm trong và ngoài Hội Thánh.

Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 15-2 Ất Hợi (19-3-1935), Đức Lý Giáo Tông phong :

- ? Giáo Hữu.
- 26 Lễ Sanh Nam.
- 14 Lễ Sanh Nữ.

Hầu hết những vị này đều được bổ nhiệm làm đầu họ Đạo Phước Thiện tại các tỉnh có nhiệm vụ lập các sở Lương Điền, Công Nghệ, Thương Mãi y như Phạm Môn nhưng đổi tên lại thành Phước Thiện và các cơ sở này thuộc quyền Hội Thánh.

Cơ quan Phước Thiện mới thành hình đặt dưới quyền chưởng quản của Ngài Khai Pháp Hiệp Thiên Đài Trần Duy Nghĩa.

Như vậy đường lối tu chơn Phạm Môn không áo mào, phẩm tước trong buổi đầu đã bị biến tướng thành cơ quan Phước Thiện mở rộng ở nhiều tỉnh từ năm 1935 với Thập Nhị đẳng cấp thiêng liêng là 12 phẩm tước do Hội Thánh mới đặt ra gồm :

1. Minh Đức.
2. Tân Dân.

-
3. Thính Thiện.
 4. Hành Thiện.
 5. Giáo Thiện.
 6. Chí Thiện.
 7. Đạo Nhơn.
 8. Chơn Nhơn.
 9. Hiền Nhơn.
 10. Thánh Nhơn.
 11. Tiên Tử.
 12. Phật Tử.

Tám phẩm dưới do Hội Thánh phong có nhiệm vụ giúp Hội Thánh Cừ Trùng Đài. Bốn phẩm sau cùng là Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử, Phật Tử phải do cơ bút định, giúp Hội Thánh Hiệp Thiên Đài giữ gìn chơn pháp tức là bảo thủ bí pháp tâm truyền.

6. Căn Thần Truyền Pháp

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ người chịu trách nhiệm tối cao truyền bí pháp là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; người đứng đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài.

Trong Pháp Chánh Truyền Đức Chí Tôn dạy :

"Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo"

Cầm quyền thiêng liêng mới Đạo có nghĩa là dùng quyền lực vô hình của Bát Quái Đài tác động trên đời sống hữu hình của Hội Thánh và chúng sanh.

Bí Pháp là quyền năng của điển lực để giải thoát Chơn Thần con người khỏi những ràng buộc của thất tình lục dục, bí pháp thuộc phần trách nhiệm của Hiệp Thiên Đài truyền lại cho chức sắc gồm có hai phần :

- Cái thể tức nhiên là hình thức, phương pháp phải làm như thế nào để điều động được điển quang trong nội thân con người và trong Trời Đất. Phần này người đi trước học được truyền lại cho người đi sau được.
- Phần thứ hai là hiệu ứng của nó tức nhiên là kết quả của sự vận dụng phương pháp đó đã đạt được những gì. Phần này thuộc quyền năng của Bát Quái Đài vô tư và khách quan.

A. Nguồn gốc Bí Pháp Đạo Cao Đài do đâu ?

Chúng ta hãy nghe một đoạn trong lời giảng của Đức Hộ Pháp đêm 13-8 Mậu Tý (16-9-1948) tại Đền Thánh.

"- Nhớ lại từ khi Đức Chí Tôn chọn Bàn Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bàn Đạo phò loan và chấp bút.

Đặc biệt hơn hết là chấp bút vì nhờ chấp bút mà Bàn Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền.

Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh nhưng nhập tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời.

Nhập tịnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn nhập tịnh mà quá mức thì phải đi đi mà chớ.

Nhập tịnh mà đúng rồi còn phải nhờ các Đấng Thiêng Liêng mở Huệ Quang Khiếu nữa mới xuất hồn ra được.

Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là con đường Thiêng Liêng hằng sống đó vậy.

Chính Bàn Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu, bí trọng".

Và một đoạn khác trong lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 24-4-1926:

"- Chiêu là môn đệ yêu dấu của Thầy, nó có công tu luyện, Thầy lại dùng huyền diệu mà rồi nó trước các con". (Trích Đạo Sử Hương Hiếu)

Một đoạn khác trong lời giảng của Đức Hộ Pháp thuật lại lần gặp gỡ đầu tiên giữa Ngài và Đức Ngài Lê Văn Trung.

"... Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ, mục đích chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi tới nhà thú thật với Ngài rằng :

Chúng tôi được lệnh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo, ông biết Đấng đó hơn chúng tôi, lo sắp đặt bàn ghế sửa soạn buổi phò loan rồi bắt ông nhập môn.

Trong nhà có một người con nuôi tên Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi, hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, vái rồi cầu cơ, khi phò loan thẳng nhỏ ngủ, ông thì thức.

Cơ chạy hoài, ông hỏi thì Đức Chí Tôn mới trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin Đức Chí Tôn". (Trích lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, 13-10 Giáp Ngọ - 1954)

Từ khi Đức Chí Tôn giao trọng trách một Đại Thiên Phong bên Cửu Trùng Đài, Ngài Thượng Trung Nhựt luôn luôn bận rộn với việc Đạo của Hội Thánh trong những năm đầu mới thành lập đầy những khó khăn đối nội và đối ngoại.

Ngài từ chối hình thức tu luyện nhập tịnh thất, sống cách ly với những sinh hoạt bên ngoài với lý do "*Đạo thì nghèo, em thì đông an nơi đâu mà tịnh*".

Nhưng trên thực tế Ngài là một đồng tử thông công được với Đức Chí Tôn và được Đức Chí Tôn giảng tâm chỉ dạy Ngài phương pháp "*tĩnh tâm*", Ngài áp dụng phương pháp tu tập này hằng ngày trong khi vẫn ngồi làm việc tại Giáo Tông Đường. Điều này chỉ một số ít người sống thân cận với Ngài mới biết được và Ngài đã đắc Đạo linh hiển.

Như vậy trong buổi đầu của lịch sử Đạo Cao Đài, theo thứ tự thời gian cả ba Ngài Ngô Văn Chiêu, Phạm

Công Tắc, Lê Văn Trung đều là những đồng tử thông công được với Đức Chí Tôn và chính Đức Chí Tôn dùng huyền diệu độ rỗi cả ba vị này.

Về sau Đức Chí Tôn giao trách nhiệm cho Ngài Phạm Công Tắc ở Hiệp Thiên Đài, còn hai vị kia ở Cửu Trùng Đài, một người nhận một người từ chối.

Vấn đề nguồn gốc bí pháp Đạo Cao Đài thọ truyền từ đâu đã rõ. Đức Hộ Pháp học bí pháp trực tiếp từ Đức Chí Tôn. Đức Hộ Pháp có tiếp xúc với Ngài Ngô Văn Chiêu trong buổi đầu nhưng về một vấn đề khác, không phải vấn đề bí pháp.

B. Cân thần là gì ?

Cân thần là từ ngữ bình dân mà các bậc tiền bối trong đạo hay dùng để chỉ công việc tuyển chọn người có đủ điều kiện được truyền bí pháp.

Cân thần là đo lường, xem xét, cân nhắc mức độ trực khí trong Chơn Thần của một người nhiều ít thế nào có đủ sức chịu đựng nổi điển lực của các Đấng trọn lành ban cho hay chưa mà không bị biến tướng thành Tả Đạo.

Đức Hộ Pháp dùng thần của Ngài, tức là sự minh triết thiêng liêng nơi con người của Ngài quyết định vấn đề này, các vị Thời Quân Chi Pháp cũng có truyền bí pháp cho chức sắc nhưng khả năng cân thần cho từng cá nhân người thọ nhận không thấy các Ngài thi thố.

Đối với các vị tu ở Phạm Môn đã chuyển qua hình thức Phước Thiện từ năm 1935 và có nhận lãnh trách nhiệm Đầu Hộ Đạo Phước Thiện tại các tỉnh vào dịp lễ vía Đức Chí Tôn ngày 9-1- Bính Tý (1936) Đức Hộ Pháp có truyền các phép bí tích, giải oan, tắm thánh, phép xác, hôn phối cho các vị này tại Hộ Pháp Đường.

Đức Hộ Pháp hành pháp trực thần, khai khiếu và truyền dạy cách thực hành cho từng vị, ngoài ra còn được đặc ân nhận lãnh phép "*Bạch Đẳng*" (cây đèn trắng) để trong khi hành Đạo gặp chuyện khó khăn thấp lên vào giờ Tý và thành tâm cầu nguyện Đức Ngài sẽ đến giúp cho.

Một số chức sắc Cửu Trùng Đài cũng được ban phép "*Bạch Đẳng*" và nhiều giai thoại lý thú được ghi nhận chung quanh lối làm việc huyền linh này của Đức Hộ Pháp, xác thân ngài tại Hộ Pháp Đường mà Chơn Thần ứng biến xuất hiện được nhiều nơi khác nhau để yểm trợ cho chức sắc hành đạo.

Xin đơn cử vài trường hợp điển hình sau đây :

(Kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Riêng về phần công phu nội thân để hàm dưỡng Tinh Khí Thần, việc truyền bí pháp không đồng đều, có người được Đức Hộ Pháp chỉ trọn một vòng luân chuyển khí lực, có người chỉ là mới hình thức khởi đầu. Điều ấy cũng dễ hiểu vì trình độ tu tiến và nghiệp lực của mỗi cá nhân không giống nhau.

Cụ thể Đức Hộ Pháp đã chỉ cho những vị ấy cách thức công phu như thế nào, điều này không thể phổ biến

rộng rãi trên giấy được, vì nó cũng giống như những liều thuốc thần kinh cực mạnh, phải đúng với bệnh trạng của từng cơ thể bệnh nhân và phải có sự giám sát kỹ lưỡng của bác sĩ, bằng không sẽ có hại nhiều hơn lợi, lý do bí truyền là ở chỗ tai hại này.

Nếu như thuật điều khí, dưỡng thần, truyền thần, xuất thần v.v.. là một công thức cố định mà bất cứ cơ thể người nào cũng có thể áp dụng có kết quả tốt thành Tiên hoá Phật được thì bậc chơn tu là kẻ có lòng từ tâm biết thương đời, muốn cứu vớt chúng sanh khỏi vòng trầm luân khổ hải đâu có lý do gì để giữ kín.

Đối với bậc hạ thừa Đức Hộ Pháp có cho phổ biến rộng rãi một phương pháp tập thể dục, gọi là phương pháp dẫn huyết gồm động tác vận động cơ bắp, gân cốt, kích thích thần kinh.

Đặc biệt đáng chú ý là cách thở dài hơi, chậm, sâu xuống bụng gọi là dẫn khí xuống đan điền.

Cách hấp cặp nhãn bằng cách xoa lòng bàn tay rồi vuốt mắt cho mở bùng ra, tinh thần phải mạnh dạng và thấy hình Thiên Nhân, và phần chót thuộc tư tưởng buộc phải tập suy nghĩ cho chơn chánh hằng ngày. Thể dục xong, cúng thời sáng mỗi ngày một lần.

Trên thực tế áp dụng lối dưỡng thần này không phải dễ dàng thành công. Trong cuộc đời bon chen cơm áo này con người luôn bị tác động để suy nghĩ những chuyện gian dối tham lam, giành nhau từng chút lợi quyền nhỏ nhặt, hằng ngày buộc phải sống với hạnh đức của bậc chân tu, suy nghĩ cho chơn chánh, lòng phải thanh tịnh để tưởng tượng được ra hình Thiên Nhân.

Dầu đó chỉ là bước đầu luyện tập, người tín đồ từ đó vẫn phải trải qua những cuộc tranh đấu nội tâm dữ dội lắm mới đi được trên con đường chánh đạo.

Ngay như hình thức cúng tứ thời hàng ngày tại tư gia người tín đồ, xét trên phương diện tâm pháp khả năng trụ thân được trong thời cúng ít bị phóng tâm cũng có ít người thành công, vẫn biết rằng :

"Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi".

Nhưng chỗ rốt ráo vẫn là :

*Sang hèn trời kệ tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi.*

Con đường tu chơn phải ngó đến chỗ rốt ráo ấy. Miệng đọc kinh lâm râm mà lòng tưởng nhớ lung tung chuyện đời, tâm ấy đâu còn chỗ trống để làm "**Toà sen cho Lão ngồi**", cúng mà Thần Thánh không ngự được nơi tâm thì lạy ai đây ?

Lạy khói nhang hay lạy bàn thờ bằng gỗ, hay lạy tiền tài danh vọng, tình duyên đang nhớ tới bên trong. Khía cạnh phạm tục của con người là như thế, chiếc áo không làm nên thầy tu.

Đi vào tu chơn là đối diện với sự thật tâm linh một cách rõ ràng Thánh, phạm không lẫn lộn, bí pháp trong nghi lễ cúng lạy là ở chỗ mở ra tâm mình giao cảm được với các Đấng để nắm bắt được bóng dáng của Chân Sư làm một quyền năng vô hình dìu dẫn mình từng chuyện lớn nhỏ trong suốt cuộc đời tu học về sau cho đến chỗ :

*Đạo hư vô Sư hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cờ tuyết sinh.*
(Kinh xuất hội)

Bước khởi đầu mượn hữu hình tìm đến vô vi còn chưa thực hiện được, lại đòi bí pháp tịnh luyện để siêu phàm nhập Thánh chỉ là mơ vọng xa xôi.

Quan niệm tu chơn của Toà Thánh Tây Ninh rất nghiêm khắc, vì vậy việc truyền bí pháp của Hiệp Thiên Đài vẫn trong vòng im ỉn, ít người biết rõ.

7. Con Đường Tu Chơn Tiếp Diễn Như Thế Nào Sau Ngày Phạm Môn Biến Tướng Thành Phước Thiện

Sau ngày Phạm Môn biến tướng thành Phước Thiện, cơ quan này phát triển nhanh chóng nhờ vào những yếu tố hữu hình, âm thanh, sắc tướng đáp ứng sát với trình độ tâm lý của đa số nhơn sanh.

Người ta dễ dàng cảm thấy hài lòng với những bộ đạo phục có màu sắc phân biệt đẳng cấp khác nhau, chõng ngồi trước sau trong nội tâm Thánh Điện theo nghi lễ Triều Thiên.

Quyền hành phẩm tước, áo mũ, lễ nghi tế tự theo thứ bậc tác động như những hình thức Thần Thánh hóa công đức của người tu, phô bày trước mắt nhơn sanh có một sức kích thích dây chuyền trong lòng người hơn là những chứng ngộ nội tâm im ỉn của hàng chơn tu.

*Mình Thánh mình hiền mình biết lấy,
Tặng phong quá tiếng chớ nhờ ai.*
(TVĐĐ)

Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của cơ quan Phước Thiện chính thức thành hình do Đạo Nghị Định số 48/ĐNĐ ngày 19-10 Mậu Dần (10-12-1938) Đức Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông đồng ký ban hành.

Quyền vận linh công nhận qua Đạo Luật Mậu Dần 1938, Phước Thiện là một trong bốn cơ quan của tổ chức trong Đạo Cao Đài. Song song với sự phát triển hình tướng, tổ chức vấn đề tâm pháp trong lòng người chức sắc diễn tiến ra sao ?

Bất luận hành đạo ở cơ quan nào Hành Chánh, Phổ Tế, Tòa Đạo, Phước Thiện .. , khi chơn thần người chức sắc đã đạt đến tình trạng thu hút sự chú ý của Đức Hộ Pháp về phương diện huyền linh, họ sẽ được Đức Ngài quan tâm đặc biệt hơn và có dịp gặp gỡ chỉ dạy riêng về tâm pháp một cách kín đáo.

Đức Ngài có năng khiếu tâm linh đặc biệt do Đức Chí Tôn khai mở ngay từ buổi đầu trong cuộc sống tu hành nên vấn đề nhận diện được những chơn thần tinh tấn còn trong thân xác con người là việc bình thường đối với Đức Ngài.

Đối với người thường, hiểu được vấn đề này trên lý thuyết đã khó rồi nói chi đến việc thực hành, vận dụng con mắt siêu phàm ấy để tìm người mà độ.

Năng khiếu tâm linh ấy mỗi người đều có trong trạng thái tiềm ẩn. Muốn vận dụng nó duy chỉ có cách tu hành thật nghiêm chỉnh và cao độ.

Kinh nghiệm của một vài vị chức sắc Hiệp Thiên Đài cho biết đi cúng trong tình trạng mỗi mệt vì thức khuya, có lần sau giờ cúng thời Tý bị Đức Ngài gọi đến nhắc nhở phải chuẩn bị nghỉ ngơi, ngủ sớm đừng để mệt mỏi như vậy.

Vì khi nãy Ngài thấy chơn thần xấu quá ! Tốt cũng được thấy để nâng đỡ mà xấu cũng bị thấy để nghe quở rầy. Vấn đề tâm pháp bí truyền ai có sống gần gũi Đức Hộ Pháp mới hiểu được chuyện ấy không có gì là lạ.

Tuy nhiên cách thức khởi đầu công phu do Ngài chỉ dạy cho người này có thể không giống người kia vì tâm đức của họ chẳng đồng, nghiệp lực cá nhân khác nhau nhưng nguyên lý thăng hoa Tinh Khí Thần vẫn đồng nhất lý.

Những phương pháp khai mở năng khiếu tâm linh cũng được truyền dạy theo nguyên tắc riêng từng người. Chẳng hạn trường hợp một chức sắc Hiệp Thiên Đài được Đức Ngài tập luyện khiếu thần giao cách cảm bằng cách Ngài ở trên lầu Hộ Pháp Đường còn vị chức sắc kia ở tầng dưới.

Ngài nói điều chi đó với vị chức sắc này và ông phải tập lắng nghe như trong trạng thái thông công với các Đấng bằng cách giáng tâm, xong rồi trình lại với Đức Ngài, kết quả ghi nhận được để xem mức độ chính xác đến đâu.

Không khoe khoang, không tự ý chỉ lại những người khác những gì Đức Hộ Pháp đã mật truyền được coi là những đức tính cần thiết của loại sinh hoạt này.

Vì vậy vấn đề tu chơn truyền bí pháp tuy vẫn âm thầm tiếp diễn, nhưng nếu nhìn ở bề ngoài và nghe trong dư luận quần chúng dường như chìm trong quên lãng bên cạnh những ồn ào của sinh hoạt truyền giáo và kinh tế phước thiện.

Về phần lý thuyết tu chơn, năm 1947 Đức Hộ Pháp cho phổ biến "**Phương Luyện Kỳ dặng vào con đường thứ ba Đại Đạo**" gồm 273 chữ. Đó là những chỉ dẫn có tính cách nguyên tắc cụ thể theo một lối sống mẫu mực của các bậc Thánh Tiên xưa truyền lại, được diễn tả một cách tân thời hợp với những từ ngữ quen dùng trong Đạo Cao Đài.

Các sách báo Đạo đều có phổ biến rộng rãi phương pháp này, thậm chí còn có một bản in thủ bút của Đức Hộ Pháp về phương luyện kỳ cùng với ảnh của Đức Ngài đang đứng ban phép lành để lộng vào khuôn kính treo nơi vách nhà nhiều tín đồ như là một hình thức nhắc nhở phải tập sống theo mẫu mực ấy.

Sau ngày Đức Hộ Pháp qui thiên, các vị Thời Quân Chi Pháp và Chi Đạo còn lại tiếp tục chịu trách nhiệm về sinh hoạt tu chơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhưng trên thực tế hoạt động của các vị này rất yếu ớt.

Song song với sự suy thoái quyền lực hữu hình của Hiệp Thiên Đài về nhiều phương diện, trong đó có vấn đề truyền bí pháp huyền linh của Bát Quái Đài lại vượng lên dưới nhiều hình thức khác nhau, giống như tính chất linh thiêng trong những năm đầu của lịch sử Đạo Cao Đài.

Con đường tu chơn của tín đồ tiếp diễn với một sắc thái khác có tính cách tự phát, kinh nghiệm của người đi trước giúp đỡ phần nào cho người đi sau, cộng với những chỉ dẫn do mặc khải nội tâm của cá nhân được ghi nhận đó đây trong hàng ngũ chức sắc và tín đồ hữu công hữu đức.

Nếu như ngày xưa Đức Hộ Pháp còn tại thế, tâm lý của nhơn sanh trong lãnh vực tu chơn này đã trông cậy vào Ngài như một ngọn đèn sáng bảo đảm bước đi không lạc lối, thì trong thời kỳ uy linh của Hiệp Thiên Đài mờ nhạt dần, đức tin của tín đồ về mặt huyền linh có tính chất tản mát theo từng nhóm do luật đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, tùy duyên hóa độ và đe dọa trong tương lai có nhiều trường phái khác nhau mà mỗi phái hay mỗi xu hướng chỉ có khả năng làm sáng tỏ được một góc độ nào đó của triết lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

8. Phương Luyện Kỷ

Mười tám năm sau ngày khai mở Phạm Môn với nội luật sơ đẳng gồm 10 điều giới răn, năm 1947 Đức Hộ Pháp đưa ra "**Phương Luyện Kỷ dựng vào con đường thứ ba Đại Đạo**" gồm 18 điều giáo huấn nằm gọn trong 273 chữ được coi là những nguyên tắc cụ thể, chi tiết hơn 10 điều giới răn, buộc người tín đồ phải áp dụng nếu muốn bước vào con đường tu chơn.

Nội dung phương luyện kỷ là sự thánh hóa tánh đức con người để làm nền tảng cho những hành vi đạo đức phô diễn một cách chơn thật ra bên ngoài trong cách đối nhân xử thế, có sức cảm hóa lòng người hướng về nẻo thiện và để làm một tòa ngự thiên lương cho vận hà thần lực từ cõi thượng giới tuôn chảy qua hồn phách của bậc chân tu đặc pháp, tác động trên sự tấn hóa của các sanh linh khác trên một vùng rộng lớn ít nhiều tương ứng với đức độ của vị ấy có được.

Phần kết của phương pháp này ghi "**Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này**" đã nói lên ý nghĩa vừa nêu trên, đồng nghĩa với đặc đạo tại thế, chơn thần của bậc chân tu sẽ có đủ quyền năng tương liên cùng các Đấng trọn lành, thường xuyên sống trong trạng thái Trời người hiệp nhất.

Tuyệt nhiên không có chỉ dẫn nào về cách thực hành công phu nội thân, để kích thích các phản ứng sinh hóa làm biến đổi khối vật chất của thức ăn thành nhiệt năng, cơ năng hay là tác động để thúc giục sự khai mở các năng khiếu tâm linh như Thần Nhãn chẳng hạn.

Phương luyện kỷ hướng dẫn người tín đồ phải sống như thế nào mới đặc đạo tại thế. Còn phương pháp công phu nội thân hay là thuật làm gia tốc hiện tượng Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư là việc bí truyền cho từng cá nhân, người tu thường hay nhầm lẫn hai lĩnh vực này những tưởng rằng nếu họ có được bí quyết tịnh luyện là đặc đạo.

Sự thật nếu không sống được theo những nguyên tắc thánh thiện thì không bao giờ thành Thánh cả dù có học thuộc lòng hằng pho kinh điển dạy tham thiền nhập định.

Thần Thánh Tiên Phật là những linh hồn đã thoát xác mà trước kia đã sống theo kiểu người Thần, người Thánh, người Tiên, người Phật, tên gọi ấy do con người đặt ra tùy sở hành của họ trong một kiếp sanh mà có, chớ chơn linh vốn không tên tuổi, không hình ảnh chỉ là một sức sống tâm linh, sáng suốt thánh thiện.

Bí quyết tịnh luyện thực hành có kết quả tốt được là khi nào đời sống thân xác và tâm linh của con người

có đầy đủ Thánh chất, trong trường hợp trái lại Thiên Đình sẽ đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí.

Tại sao vậy ?

Vì một khi Tinh Khí Thần hiệp nhưt thì đương nhiên Chơn Thần có quyền năng pháp thuật mà trong quyền năng pháp thuật ấy còn chứa đầy tính phạm tục, nên khi vận dụng quyền năng tâm linh ấy có động cơ phạm tục tác động sâu kín bên trong, tức nhiên đã lạc lối vào con đường tà Đạo, bậc chân tu không nên đào tạo Chơn Thần mình theo kiểu ấy và quyền năng tâm linh tích tụ được do công phu tịnh luyện theo kiểu ấy cũng cần được giải tán.

Thiên Đình đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí là để tránh chỗ tai hại này. Phương luyện kỹ là hình thức giáo hóa nhưn sanh hiểu con đường tu chơn phải như thế nào mới đúng, được phổ biến rộng rãi để tín đồ có ý thức rõ rệt khi bước vào sinh hoạt tịnh luyện không mơ hồ, nghi hoặc hay mơ mộng điều huyền ảo dị đoan.

Ấy là phần dọn mình cho trong sạch để Thánh linh có thể giáng ngự được khi người tín đồ bước sanh giai đoạn thượng thừa nghiêm khắc được truyền pháp, trực thần, khai khiếu.

Có nhiều nguy hiểm có thể làm hư hoại cả cuộc đời con người ở khúc quanh này, nên việc truyền bí pháp xưa nay các bậc Thánh hiền vẫn phải giữ gìn nghiêm ngặt. Lý do chính chỉ có thể thôi, hay nói cách khác là do trình độ tu tiến nghiệp lực của người thọ nhận xứng đáng hay chưa mà vị chân sư quyết định truyền pháp hay còn chờ đợi sự dọn mình tiếp tục.

Nguyên văn lời chỉ dạy của Đức Hộ Pháp như sau :

Phương Luyện Kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo

- Phải thân thích cùng cả nhưn vật tức là tìm nguyên do của vạn linh cùng chí linh.
- Phải ân hận và khoan hồng.
- Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.
- Phải bình tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa phước buồn vui, tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui buồn cũng buồn nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh.
- Phải độ lượng khoan dung tha thứ.
- Phải vui vẻ, điều hòa tự chủ và quyết đoán.
- Giữ linh tâm làm căn bản.
- Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

Phương Pháp trị tâm vì tâm là hình ảnh của thiên lương

- Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ là đồ vô giá.
- Ai cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.
- Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
- Sự cừu hận là khối thảm khổ đệ nhưt của nhưn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- Thắng đặng khí nộ mình thì không chọc ai giận dữ.

-
- Lấy thiện mà trừ ác.
 - Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.
 - Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
 - Lấy chánh trừ tà.
 - Ấy là đường thương huệ kiếm.

Phương pháp luyện thân - luyện trí

- Ấm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết.
- Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu.
- Thương yêu vô tận.
- Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.

Tòa Thánh ngày 14-01 Đinh Hợi (1947)

Hộ Pháp

(ký tên và đóng dấu)

Một vấn đề được đặt ra là Đức Hộ Pháp cũng như các vị giáo chủ khác, sau khi hoàn thành sứ mạng thiêng liêng của mình sáng lập ra một nền Đạo truyền bá giáo lý, truyền bí pháp, các Ngài phải bỏ xác phàm.

Những vị thừa kế sự nghiệp tinh thần ấy lại không đủ sáng chói như các vị giáo chủ nên quyền năng bí pháp đương nhiên phải giảm sút đi ít nhiều. Càng qua nhiều thế hệ thừa kế, nét qui phạm càng hiện ra trong hàng ngũ những tu sĩ cao cấp của giáo hội.

Cho đến một thời kỳ lịch sử nào hành động của khối lớn tu sĩ đã biến chất rất nhiều và những mục đích cao thượng ban đầu bị lệch lạc gần hết thì nền Đạo bị thất chơn truyền.

Trên dòng lịch sử các Đạo giáo thịnh thoả cũng có những hình thức phục hưng chơn pháp do các Chơn Linh cao trọng giáng trần, chỉnh lại những sai lệch đang diễn ra nhưng rồi sau đó một thời gian hiện tượng qui phạm với những nguyên nhân không thể tránh được, là khối phàm tâm của tín đồ lớn hơn Thánh chất đã tác động và làm nên lịch sử Đạo theo chiều hướng ấy.

Kinh nghiệm lịch sử loài người đã đúc kết lại như thế, liệu rằng sau khi các vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài đều qui vị hết, sinh hoạt tu chơn truyền pháp có giữ được nguyên tắc tuyển chọn kỹ lưỡng như trước không ?

Đức Chí Tôn khẳng định trong Pháp Chánh Truyền, ***hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn*** và khối tín đồ Cao Đài tin tưởng như thế, nhưng trong khi chờ đợi một Hiệp Thiên Đài thứ hai với đầy đủ huyền linh đáng tin cậy thì vấn đề truyền pháp trong khoảng trống Hiệp Thiên Đài ấy sẽ diễn ra dưới hình thức nào ?

Phân tích vấn đề tu chơn đến đây chúng ta thấy có hai phần rõ rệt :

- Phần thứ nhất là sống với tánh đức và hành động như thế nào mới gọi là tu chơn ?

Câu trả lời đã có. Đó là : "*Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo*".

- Phần thứ hai là những bí quyết trong khoa tịnh luyện, thiên định được truyền lại từ Đức Hộ Pháp hay vài vị Thời Quân có tính cách bí truyền mà nay các Ngài đều qui vị hết phải tìm nơi đâu mới có ?

Câu trả lời : *Đương nhiên phải do những người hữu hình khác thực hiện.*

Trong trường hợp này kinh nghiệm của người đi trước sẽ chỉ lại cho người đi sau cùng với sự ám trợ tư tưởng của quyền Thiêng Liêng. Vấn đề này đòi hỏi người tu phải có một đức tin mạnh mẽ và biết lựa lọc những kiến thức tiếp thu được cho phù hợp với trạng thái Tinh Khí Thần của mình, bởi lý do thiếu quyền năng cân thân của Đức Hộ Pháp như khi Ngài còn tại thế.

Luôn luôn trong cửa Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này vẫn có những bậc tu chơn ẩn dật, có đủ sự sáng suốt tâm linh để giúp đỡ cho người đi sau những chỉ dẫn cần thiết và đúng lúc khi người tín đồ có đủ công đức và xứng đáng được truyền bí pháp.

Họ không phải là Hộ Pháp hay Thời Quân chi cả, họ là những tín đồ tu chơn có đức độ thể hiện được Thánh ý của Bát Quái Đài để trợ thần cho người tu luyện.

Nhưng cái khó không phải ở chỗ tìm đâu ra bí quyết tu luyện, tìm đâu ra người có thể chỉ dẫn lại cho mình, mà khó ở chỗ có sống được với tâm đức và hành động chí Thánh hay chưa.

Một khi đã sống được một đời sống thánh thiện thật sự, dầu chưa vội tìm thì bí pháp cũng sẽ đến dưới hình thức này hay hình thức khác do sự điều động tự nhiên của quyền Thiêng Liêng khiến cho những việc hữu hình xảy ra đúng lúc.

Thật vậy, nếu công đức chưa đầy đủ dù có đến trước mặt Đức Hộ Pháp khi Ngài còn tại thế và yêu cầu Ngài truyền bí pháp, Ngài vẫn không thể làm việc ấy bởi những lý do đã phân tích ở những đoạn trước, và ngược lại khi tinh thần của người tu xứng đáng được truyền bí pháp dù Đức Hộ Pháp không còn tại thế, quyền năng thiêng liêng của Đức Ngài cũng sẽ tác động trợ thần cho người tu luyện có ấn chứng và khiến cho ở cõi hữu hình này có những dịp may gặp người có khả năng chỉ dẫn thêm cho mình được.

Đức Chí Tôn dạy : "*Thầy đến đặng huần nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo*".

Lời hứa của Đại Từ Phụ chẳng khi nào sai sót và Thầy thì huyền diệu vô cùng thiên biến vạn hóa. Đạo pháp lại vô biên nên trong "Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo" Đức Hộ Pháp dặn :

Phải có đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và Phật Mẫu mới có thể đến chỗ mà Ngài gọi là "Mở cửa Bát Quái Đài tại thế này".

Để kết luận vấn đề này có thể tóm tắt như sau :

Tùy theo công đức của người tu có được tới đâu bí pháp huyền linh Đức Chí Tôn sẽ cho ứng hiện đến đó bằng nhiều hình thức linh diệu và đó là nguyên tắc thăng tiến trên con đường tu học, từ xưa đến nay vẫn vậy.

III. Giải Đáp Vài Thắc Mắc về Tu Chơn Luyện Kỳ

1. Có đủ tam lập mới được nhập tịnh tại Trí Huệ Cung ?

Hỏi : Điều thứ 13 chương II Bộ Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Tòa Thánh Tây Ninh ban hành từ năm 1927 qui định rằng :

Trong hàng hạ thừa ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên được thọ truyền Bửu Pháp vào tịnh thất có người chỉ luyện Đạo. Nay Đức Hộ Pháp chủ trương phải có đủ tam lập mới được nhập tịnh tại Trí Huệ Cung, điều ấy có quá khắt khe chăng ?

Đáp : Về khoảng trong hàng hạ thừa ai giữ trai kỳ từ 10 ngày trở lên được thọ truyền Bửu Pháp vào tịnh thất có người chỉ luyện Đạo. Hội Thánh đã cho phổ biến một phương pháp tập dưỡng sinh cho cơ thể tinh tấn dần, chuẩn bị bước lên bậc thượng thừa đòi hỏi nhiều công phu nghiêm khắc hơn.

Phương pháp này gồm : Một số động tác thể dục bóp thịt và gân cốt, cách thở dài hơi sâu, chậm và cứng thời Mẹo mỗi ngày để điều hòa khí huyết và dưỡng thần một cách nhẹ nhàng, áp dụng cho bậc hạ thừa ở nhà cũng luyện tập được không đòi hỏi điều kiện phải vào tịnh thất.

Phương pháp này đã thấy phổ biến từ khi Đức Hộ Pháp còn sanh tiền, nhưng tiếc thay chỉ có một số ít người chịu khó luyện tập thành thử lâu ngày ít nghe nhắc tới, đến thế hệ sau gần như thất truyền nên có một số người hiểu lầm là Hội Thánh không thi hành điều khoản này của Tân Luật.

Đó là lúc sống, còn khi chết Hội Thánh cũng đã thực hiện lời hứa của Đức Chí Tôn, ai giữ trai kỳ từ 10 ngày trở lên được thọ truyền Bửu Pháp, bằng cách cho làm phép xác, cắt dây oan nghiệt, độ thẳng, tức là thực hiện phần bí pháp độ hồn cho những ai có đủ điều kiện giữ trọn 10 ngày chay mỗi tháng.

2. Tiêu chuẩn tam lập và sinh hoạt tịnh luyện ?

Hỏi : Cũng trong Bộ Tân Luật này chương nói về Tịnh Thất, điều thứ nhất qui định trong hàng tín đồ, ai đã xử tròn như đạo và giữ trai giới từ 6 tháng trở lên thì được xin vào tịnh thất nhập định.

Luật đạo chỉ đưa ra về điều kiện trai giới và gia đạo, không đòi hỏi phần công quả, phải chăng vì quá chú trọng đến việc truyền giáo. Đức Hộ Pháp đã đưa ra tiêu chuẩn tam lập đẩy lùi sinh hoạt tịnh luyện vào giao đoạn chót của tiến trình tu tập. Như vậy có thiệt thòi gì cho người tín đồ hay không về phương diện tinh luyện thân xác.

Đáp : Chẳng những không thiệt thòi mà còn có lợi vì đỡ mất nhiều thời gian luyện tập mà không đem lại kết quả mong muốn. Nói theo lối hạ thừa tiệm tiến cho dễ hiểu, ai cũng biết nguyên lý căn bản của việc tu luyện là Giới Định Huệ, phải đi bước thứ nhất trước rồi mới đến bước thứ hai, thứ ba tuần tự diễn tiến.

Và chẳng trong phép cúng tứ thời cũng đã rèn luyện cho người tín đồ quen gom thần định trí, đến khi có đủ tam lập bước qua sinh hoạt tịnh luyện, thiền định kết quả dễ dàng nhanh chóng bảo đảm hơn.

Đời người có giới hạn, sự phân phối thời gian tu tập như vậy có lợi và hợp lý hơn, vả chăng đâu phải người chức sắc đi làm công việc truyền giáo hay là tín đồ tu thân tại gia không có bốn phận tinh luyện xác thân mình, đâu phải không vào nhà tịnh là không tinh luyện thân xác, có nhiều hình thức tùy hoàn cảnh mà thích nghi.

Đây chỉ nói về phương pháp tu học còn riêng về cá nhân con người thì bất cứ trong lãnh vực sinh hoạt nào, tổ chức nào cũng có kẻ siêng người lười, lẫn lộn xưa nay vẫn vậy.

3. Các hạ thể có được truyền bí pháp không ?

Hỏi : Nếu công đức là yếu tố quyết định cho người tu đắc đạo, vậy trong trường hợp một người có nhiều công nghiệp phụng sự vạn linh, nhưng các hạ thể chưa tinh luyện, chẳng hạn đời sống còn se sua, lãng phí, hoặc còn uống rượu, hút thuốc trong các ngày hội họp tiệc tùng chi đó. Hỏi những người này có được truyền bí pháp không ?

Đáp : Khí thể con người luôn có điển quang, những người chưa tinh luyện các hạ thể một cách nghiêm khắc, lần điển quang ấy còn nhiều trược khí thì từng ngày từng tháng họ đang tự phá hủy dần cái đức của mình đã có được do công của họ mang lại.

Đức Chí Tôn đã phán dạy :

"- Các con đã rõ Đạo thì phải biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Như sự lãng phí se sua ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy". (TNHT.Q1. Tr 48)

Và Đức Lý đã phán dạy :

"- Từu nhập tâm di, hại tổn bình sanh chi đức, tánh Thiên Đạo diệt, giục tranh thế sự chi oan".

Nghĩa là :

"- Rượu vào lòng dốt hại hao đức bình sanh, tánh đời Đạo hủy, giục tranh oan nghiệt thế tình".

(Trích Đạo Sử. Tác giả Hương Hiếu)

Và điều thứ sáu Chương Tịnh Thất Bộ Tân Luật, buộc người vào Tịnh Thất rồi phải tuyệt trầu thuốc và không ăn chi ngoài bữa cơm.

Do đó xét về mặt hữu hình, về phương diện tam lập chưa hội đủ điều kiện, xét về mặt bán hữu hình thì khí thể trong chơn thần còn ô trược. Lần trược khí ấy khi tiếp nhận điển quang của các Đấng thiêng liêng dễ làm biến tướng xảy ra các hiện tượng Tả Đạo Bàn Môn. Vì vậy dù đứng trước Chơn sư cũng khó mong được các Ngài chấp thuận truyền bí pháp.

Khi giảng về tam lập, Đức Hộ Pháp có nói vấn đề này rất khó vì nó thuộc về nửa thể pháp, nửa bí pháp. Bí pháp là phần điển quang trong sáng của khí thể chơn thần. Thể pháp là phần công nghiệp và đức hạnh biểu lộ ra trước mắt như sanh nhìn thấy được. Tiêu chuẩn Tam Lập đầy đủ gồm cả hai phương diện này.

4. Trong nhà tịnh có tuổi thanh niên tham dự không ?

Hỏi : Có trường hợp nào một người tín đồ mới bắt đầu tu tập theo giáo pháp Tam Kỳ Phổ Độ chỉ một thời gian thật ngắn mà có đủ tam lập nghĩa là trong nhà tịnh có tuổi thanh niên tham dự không ?

Đáp : Hội Thánh có nhiệm vụ tạo điều kiện cho tín đồ tu tiến, sự giác ngộ tâm linh không phân biệt tuổi tác. Cơ duyên để thành công sáng chói trên đường đạo của một người còn tùy thuộc vào khối nghiệp lực tiền khiên của kẻ ấy.

Nếu họ đến thế này với một khối thiện nghiệp sẵn có của tiền kiếp thì dù còn trong tuổi thanh niên, một khi chơn thần đã hội đủ điều kiện tinh tấn cần thiết để nhập vào tịnh thất không ai ngăn cản bước đi của họ được.

Cũng như về phương diện hữu hình, chức sắc hành đạo đủ thâm niên công nghiệp có tài năng và đức độ, được thăng phẩm theo luật công cử từ Lễ Sinh lên Giáo Hữu rồi Giáo Sư, Phối Sư, Đầu Sư, Chương Pháp, Giáo Tông, bên cạnh những bậc thăng phẩm trật tuần tự ấy vẫn có trường hợp Đức Chí Tôn giáng cơ phong thưởng không theo luật công cử, nghĩa là từ một người tín đồ có thể được phong làm chức sắc cao cấp.

Tuy nhiên dù có mang phẩm tước hay tu chơn, mục đích sau cùng của việc tu hành vẫn là sự giác ngộ tâm linh nghĩa là giải thoát.

Những trường hợp đặt biệt rút ngắn hay là vượt bực qua khỏi tiến trình tu tập được ấn định chung, chẳng qua chỉ là sự tiếp nối cuộc sống tu hành từ tiền kiếp của những linh hồn tấn hóa đến mức ấy rồi, người ta thường gọi đó là những kẻ có căn cơ thì chung qui cũng phải do nơi công đức của họ đã tạo được từ trước.

5. Một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thân tinh khiết ?

Hỏi : Điều khoản bổ túc của Đạo Luật Mậu Dần ban hành từ năm 1938 đã thủ tiêu hai chữ tuyệt dục trong Bộ Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã có từ năm 1927, trong khi Tòa Thánh Tây Ninh vẫn chủ trương, người tu thượng thừa khi có đủ tam lập sẽ bước vào nhà tịnh mà luyện đạo, tham thiền để siêu phàm nhập Thánh.

Điều này có mâu thuẫn hay không với nguyên lý thăng hoa của Tinh Khí Thần đòi hỏi phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thân tinh khiết ?

Đáp : Vấn đề tuyệt dục trong Đạo Cao Đài được áp dụng một cách nhẹ nhàng trên căn bản tự giác cho mỗi cá nhân. Nói chung các giới luật được áp dụng từ dễ đến khó, khởi đầu lỏng lẻo sau nghiêm khắc dần tùy theo mức độ thăng tiến của mình, lẽ dĩ nhiên khi bước vào sinh hoạt tịnh luyện, thiền định người tu phải ý thức được vấn đề này, tự mình phải biết tuyệt dục đâu đợi ai cấm đoán. Còn nếu như chưa ý thức được thì con đường hãy còn xa lắm.

Cũng như vấn đề trai giới luật Đạo đòi hỏi khởi đầu giữ được mức 6 ngày một tháng, rồi đến 10 ngày đến trường trai cho cơ thể quen dần. Còn nếu như mình tự nguyện giữ trường trai ngay từ bước đầu khi nhập

môn thì đó là quyền của mình, đi nhanh hay chậm tự mình định đoạt.

Thế nhưng kinh nghiệm của tiền nhân thường thấy tình trạng giục tốc bất đạt, nên mới đặt ra các điều luật hướng dẫn sinh hoạt tu tập của tín đồ tuần tự chậm rãi, để thành công hơn là chạy nhanh rồi vấp ngã.

6. Luyện đạo, thiên định ngay từ lúc mới khởi đầu cuộc sống tu hành ?

Hỏi : Một số các chi phái Cao Đài chủ trương cho tín đồ luyện đạo, thiên định ngay từ lúc mới khởi đầu cuộc sống tu hành. Như vậy có phải tín đồ ở các chi phái này có đời sống tâm linh cao hơn các tín đồ tu ở Tòa Thánh Tây Ninh, nơi mà Hội Thánh đòi hỏi phải có một thời gian lập công bồi đức cho đến khi thấy đủ tam lập mới đi vào sinh hoạt tịnh luyện, thiên định ?

Đáp : Giáo pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương đưa linh hồn con người trở về cựu vị là chỗ nguyên thủy của nó, tức là hòa nhập được vào bản thể của vũ trụ.

Đến tình trạng này người ta gọi là đoạt vị, huồn nguyên hay siêu phàm nhập Thánh, mỗi từ ngữ đều có ít nhiều khía cạnh khác nhau trong ý nghĩa của nó là do ở nhân sinh quan của mỗi cá nhân nhìn cuộc đời như thế nào.

Mỗi linh hồn đến thế này với vai tuồng gì lâu mau đều định trước, làm cho tròn thiên trách của mình trở về cựu vị được là thành công trong kiếp sống tu hành.

Khi đưa ra chương trình tu tập cụ thể, các bậc tiền bối cầm quyền Hội Thánh tại Tòa Thánh Tây Ninh đã cân nhắc về hiệu quả của chương trình phổ độ, làm thế nào giúp đỡ thiết thực các linh hồn đến thế này ngay từ khi còn trong xác phàm và sau khi thoát xác nữa, thúc giục, trợ duyên cho họ đi trên con đường tấn hóa, ấy là cơ tận độ của Đức Chí Tôn.

Ý niệm cao thấp, hơn thua trong tinh thần khinh trọng không có trong triết lý Đại Đạo nhưng trong lòng người thấy vẫn còn hay vướng mắc ở điểm này.

7. Giáo Tông truyền bí pháp tịnh luyện cho tín đồ ra sao ?

Hỏi : Nếu Ngài Ngô Văn Chiêu chấp nhận làm Giáo Tông Đạo Cao Đài theo Thánh giáo Tòa Thánh Tây Ninh do Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm cầu thì vấn đề truyền bí pháp tịnh luyện của Ngài sẽ như thế nào. Vì theo Pháp Chánh Truyền vấn đề truyền bí pháp do Hiệp Thiên Đài chịu trách nhiệm trong khi Giáo Tông chỉ chịu trách nhiệm về phần xác của tín đồ ?

Đáp : Trách nhiệm Giáo Tông là phải dạy dỗ tín đồ hiểu biết ý nghĩa và diễn tiến trên con đường tấn hóa cả về thể pháp lẫn bí pháp. Và khi người tín đồ cần được truyền bí pháp thì Hiệp Thiên Đài phải thi hành phận sự của mình làm một nơi trung gian cho quyền năng của Đức Chí Tôn điều động khối điển quang trên chơn thần của họ.

Vì vậy Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài không thể xa rời nhau được, thánh ý Đức Chí Tôn muốn vậy.

